

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2023/HS-ST
Ngày 25/7/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH H**

- TH1nh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Duy Tr.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị B và bà Tràng Thị T.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung K1 - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh H: Ông Hoàng Anh T1 - Kiểm sát viên.

Ngày 25/7/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 56/2023/TLST-HS ngày 28/6/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2023/QĐXXST- HS ngày 05/7/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phan Thị N**, giới tính: Nữ, sinh năm: 1986, tên gọi khác: không có; Nơi cư trú: thôn Đ, xã D, huyện K, tỉnh H; Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12, Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Phan Văn C, sinh năm: 1964 và bà: Nguyễn Thị B1, sinh năm: 1962; Anh, chị em ruột: có 04 người, bị cáo là thứ hai; Chồng: Hoàng Xuân B2, sinh năm 1986 (đã ly hôn). Con: có 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2011.

- Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú từ 21/4/2023. Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Đào Thị H1, sinh năm: 1982 (vắng mặt).

Trú tại: thôn E, xã T2, huyện K, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 14/4/2022, chị Đào Thị H1, sinh năm 1982, trú tại thôn E, xã T2, huyện K, tỉnh H có vay của Phan Thị N, sinh năm 1986, trú tại thôn Đ, xã D, huyện K số tiền 50.000.000 đồng,

N và chị H1 thỏa thuận trả tiền lãi 01 tháng 01 lần, (01 tháng tính bằng 30 ngày), mỗi lần trả số tiền lãi là 4.500.000 (tương ứng 108%/ năm). Khi vay N có yêu cầu chị H1 viết giấy vay tiền để N cầm làm tin. Đến ngày 08/10/2022, chị H1 đã trả cho N 06 tháng tiền lãi là 27.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến thời điểm này do N muốn sớm thu hồi tiền nợ gốc và tăng lãi suất nên yêu cầu chị H1 trong vòng 40 ngày phải trả N số tiền vay gốc là 50.000.000 đồng và 10.000.000 đồng tiền lãi (tương ứng với 180%/năm). Do chưa thu xếp để trả ngay số tiền vay nên chị H1 đã đồng ý. Tuy nhiên, đến ngày 18/11/2022 chị H1 mới trả được cho N được 30.000.000 đồng tiền vay gốc và 10.000.000 đồng tiền lãi. Chị H1 xin N giảm lãi suất thì được N đồng ý. N và chị H1 thống nhất tính lãi của 20.000.000 đồng tiền vay gốc là 2.000.000 đồng/ 01 tháng (tương ứng với 120%/năm). Đến ngày 18/01/2023, chị H1 đã trả được cho N 02 tháng tiền lãi là 4.000.000 đồng thì không trả nữa và xin N chỉ trả tiền vay gốc là 20.000.000 đồng thì được N đồng ý. Tổng số tiền lãi N thu của chị H1 từ ngày 14/4/2022 đến ngày 18/01/2023 là 41.000.000 đồng.

Ngày 24/02/2023, chị Đào Thị H1 đã gửi đơn trình báo đồng thời giao nộp cho Cơ quan điều tra nội dung tin nhắn Zalo được in ra các trang giấy A4 có nội dung trao đổi giữa tài khoản Zalo của chị H1 với tài khoản Zalo của N liên quan đến việc trao đổi trả tiền gốc, tiền lãi; bản sao kê tài khoản của chị Đào Thị H1 số 1023258192 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) và tài khoản số 2408205152565 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) liên quan đến việc giao dịch vay tiền và trả lãi cho N đối với khoản vay nêu trên.

Ngày 25/02/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của N tại thôn Đ, xã D, huyện K. Quá trình khám xét không thu giữ đồ vật tài liệu gì.

Ngày 23/3/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện K đã thu giữ Sổ hạch toán chi tiết tài khoản của Phan Thị N số 1021000011245 tại Ngân hàng Vietcombank.

Kết quả điều tra xác định:

- Tổng số tiền lãi mà N thu được từ ngày 14/4/2022 đến ngày 18/01/2023 là: 41.000.000 đồng.

Số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là:

- Đối với số tiền vay 50.000.000 đồng, đã trả lãi 06 tháng (từ thời điểm ngày 14/4/2022 đến ngày 08/10/2022) là: $50.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/12 \times 6 \text{ tháng} = 5.000.000 \text{ đồng}$.

- Đối với số tiền vay 50.000.000 đồng, đã trả lãi 40 ngày (từ thời điểm ngày 08/10/2022 đến ngày 18/11/2022) là: $50.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 40 \text{ ngày} = 1.095.890 \text{ đồng}$.

- Đối với số tiền vay còn lại là 20.000.000 đồng, đã trả lãi 02 tháng (từ thời điểm ngày 18/11/2022 đến ngày 18/01/2023) là: $20.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/12 \text{ tháng} \times 2 \text{ tháng} = 666.666 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự là:

$5.000.000 \text{ đ} + 1.095.890 \text{ đ} + 666.666 \text{ đ} = 6.762.556 \text{ đồng}$

Tổng số tiền N thu lợi bất chính là: $41.000.000 \text{ đ} - 6.762.556 \text{ đ} = \mathbf{34.237.444 \text{ đồng}}$.

Như vậy, từ ngày 14/4/2022 đến ngày 18/01/2023, N đã cho chị H1 vay số tiền 50.000.000 đồng, chị H1 đã trả cho N 30.000.000 đồng tiền gốc và 41.000.000 đồng tiền lãi, trong đó số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự là 6.762.556 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 34.237.444 đồng

Về vật chứng: Toàn bộ số tiền liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng cơ quan điều tra không thu hồi được.

Về dân sự: Chị Đào Thị H1 có quan điểm đề nghị xử lý đối với số tiền lãi mà chị đã trả cho Phan Thị N theo quy định của pháp luật.

Cáo trạng số 75/CT - VKS- KC ngày 27/6/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh H truy tố bị cáo Phan Thị N về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân giữ nguyên cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i; s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự; tuyên bố bị cáo Phan Thị N phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”; xử phạt bị cáo từ 70.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 123, khoản 2 Điều 131, khoản 1 Điều 468 và Điều 579 Bộ luật dân sự.

- Buộc Phan Thị N nộp ngân sách NH1 nước số tiền gốc đã nhận lại từ chị Đào Thị H1 là 30.000.000 đồng; buộc chị H1 phải nộp lại ngân sách nhà nước số tiền gốc chưa trả cho N là 20.000.000 đồng.

- Đối với số lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 6.762.556 đồng. Đây được xác định là số tiền phát sinh từ tội phạm mà có nên cần truy thu của Phan Thị N để nộp lại ngân sách nhà nước.

- Buộc Phan Thị N phải trả lại cho chị Đào Thị H1 số tiền thu lợi bất chính là 34.237.444 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ (đối với các khoản tiền phải trả lại cho người được thi hành

án), trường hợp người phải thi hành án chưa thi hành án xong thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo đã bị áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS, Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án: buộc bị cáo N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí trách nhiệm dân sự.

- Bị cáo ăn năn hối cải, thừa nhận hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật; Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Căn cứ lời khai của bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các chứng cứ tài liệu điều tra có trong hồ sơ vụ án như Bảng kê của Ngân hàng Vietcombank; Ngân hàng Agribank được thẩm tra tại phiên tòa đã có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 14/4/2022 đến ngày 18/01/2023 tại xã D, huyện K, tỉnh H, Phan Thị N đã có hành vi cho chị Đào Thị H1 vay tổng số tiền 50.000.000 đồng với mức lãi suất từ 108%/năm đến 180%/năm (gấp hơn 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự); N đã thu lợi số tiền bất chính là 34.237.444 đồng.

Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình, nhưng vì vụ lợi, bị cáo bất chấp thực hiện hành vi cho vay lãi nặng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố Phan Thị N theo tội danh và điều luật áp dụng trong Cáo trạng số 75/CT - VKSKC ngày 27/6/2023 là hoàn toàn có căn cứ, chính xác, đúng người, đúng tội.

[3] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

[4] Về tiền án, tiền sự: Bị cáo không có tiền án, tiền sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i; s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước về tín dụng trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ; xâm phạm đến lợi ích của công dân, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an N trật tự tại địa phương, gây bức xúc trong dư luận xã hội nên cần xử lý nghiêm để giáo dục bị cáo.

Hiện nay, trong xã hội tình trạng cho nhau vay lãi nặng, không tuân thủ theo quy định của pháp luật rất phổ biến. Vì vậy, cần phải có hình phạt thích hợp, cần thiết áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nhằm răn đe đối với hành vi phạm tội của bị cáo nói riêng và đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo đã bị áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7]. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 123, khoản 2 Điều 131, khoản 1 Điều 468 và Điều 579 Bộ luật dân sự.

- Đối với số tiền gốc sử dụng vào việc phạm tội là 50.000.000 đồng mà Phan Thị N cho chị Đào Thị H1 vay, chị H1 đã trả N 30.000.000 đồng, còn 20.000.000 đồng chị H1 chưa trả N. Vì vậy, cần truy thu để tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 30.000.000 đồng của Phan Thị N và buộc chị Đào Thị H1 phải nộp vào ngân sách nhà nước số tiền mà chị chưa trả N là 20.000.000 đồng;

- Đối với số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự là 6.762.556 đồng, được xác định là số tiền phát sinh từ tội phạm mà có nên cần truy thu của Phan Thị N để nộp ngân sách nhà nước.

(Tổng số tiền truy thu của Phan Thị N để tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước là 36.762.556 đồng, trong đó số tiền gốc là 30.000.000 đồng và lãi là 6.762.556 đồng).

- Cần buộc Phan Thị N phải trả lại cho chị Đào Thị H1 số tiền thu lợi bất chính là 34.237.444 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ (đối với các khoản tiền phải trả lại cho người được thi hành

án), trường hợp người phải thi hành án chưa thi hành án xong thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ (đối với các khoản tiền phải trả lại cho người được thi hành

án), trường hợp người phải thi hành án chưa thi hành án xong thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

[8]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí trách nhiệm dân sự sơ thẩm là 34.237.444 đồng x 5% = 1.711.872 đồng (làm tròn là 1.711.900 đồng).

[9]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lý do trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i; s khoản 1 Điều 51; Điều 35; điểm a, b khoản 1 khoản 2 Điều 47; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 123, khoản 2 Điều 131, khoản 1 Điều 468 và Điều 579, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự;

Tuyên bố: Bị cáo Phan Thị N phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt bị cáo Phan Thị N số tiền và phải thực hiện nghĩa vụ nộp một lần là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) để sung ngân sách nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

- Truy thu của Phan Thị N để tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 36.762.556 đồng (Ba mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm năm mươi sáu đồng). Trong đó số tiền gốc là 30.000.000 đồng và lãi là 6.762.556 đồng).

- Buộc chị Đào Thị H1 phải nộp vào ngân sách nhà nước số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng);

- Buộc Phan Thị N phải trả lại cho chị Đào Thị H1 số tiền 34.237.444 đồng (Ba mươi tư triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn bốn trăm bốn mươi bốn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ (đối với các khoản tiền phải trả lại cho người được thi hành

án), trường hợp người phải thi hành án chưa thi hành án xong thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.711.900 đồng (Một triệu bảy trăm mười một nghìn chín trăm đồng) án phí trách nhiệm dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 kể từ ngày tuyên án (25/7/2023), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh H;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh H
- Viện kiểm sát, Công an huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã D.
- Lưu: Hồ sơ; Văn phòng Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Duy Tr

